|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM** | **KỲ THI OLYMPIC 24/3 TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2021** |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC** | Môn thi: **ĐỊA LÍ 11**Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian giao đề)* |
|  *(Đề thi có 01 trang)* |  |

**Câu I *(4,0 điểm)*.**

1. Toàn cầu hoá tạo ra những cơ hội và thách thức nào đối với các nước đang phát triển?

2.Tại sao về mặt tự nhiên, khu vực Mĩ La tinh có cảnh quan rất đa dạng?

**Câu II *(5,0 điểm)*.**

1. Trình bày những thay đổi trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì. Nêu nguyên nhân của sự thay đổi đó.

2. Tại sao các nước Đông Nam Á đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong giai đoạn hiện nay?

**Câu III *(4,0 điểm*).**

1. Trình bày ảnh hưởng của đặc điểm dân cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Nga.

2. Tại sao Nhật Bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng kĩ thuật cao?

**Câu IV*(3,0 điểm).***

1. Nêu tác động của việc tiến hành chính sách dân số triệt để đến phát triển kinh tế - xã hội

 Trung Quốc.

2. Phân tích các nguồn lực để phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc.

**Câu V** ***(4,0 điểm).*** Cho bảng số liệu sau:

**Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị khu vực** **Đông Nam Á giai đoạn 1975-2020**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1975** | **1990** | **2005** | **2020** |
| Số dân thành thị *(triệu người)* | 74,0 | 139,7 | 230,8 | 334,4 |
| Tỉ lệ dân thành thị *(%)* | 23,2 | 31,4 | 41,1 | 50,0 |

 *(Nguồn: Danso.org)*

Dựa vào bảng số liệu đã cho, hãy:

1. Tính tổng số dân và số dân nông thôn của Đông Nam Á qua các năm trên.

2. Nhận xét và giải thích tình hình phát triển dân số của Đông Nam Á giai đoạn

1975-2020.

**–––––––––––– Hết –––––––––––**

 *- Thí sinh được sử dụng tập bản đồ Thế giới và các Châu lục để làm bài.*

 *- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

*Họ và tên thí sinh: …..…………………………Số báo danh: ………………*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM** | **KỲ THI OLYMPIC 24/3 TỈNH QUẢNG NAM** **NĂM 2021** |
| **HDC CHÍNH THỨC** |  |

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỊA LÍ 11**

**(HDC có 04 trang)**

*Lưu ý: Giám khảo chấm đúng HDC, nếu thí sinh trình bày ý khác với HDC nhưng đúng thì cho điểm nhưng không được vượt tổng số điểm của ý hoặc câu đó.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I****4,0đ** | **1** | **Toàn cầu hoá tạo ra những cơ hội và thách thức đối với các nước đang phát triển:** | **2,0đ** |
|  | **\* Cơ hội**  | **1,25đ** |
| - Tự do hoá thương mại mở rộng, hàng rào thuế quan giữa các nước bị bãi bỏ hoặc giảm xuống, hàng hoá có điều kiện lưu thông rộng rãi. | 0,25 |
| - Là cơ sở để các nước đang phát triển nhanh chóng đón đầu công nghệ hiện đại áp dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | 0,25 |
| - Tạo điều kiện cho các nước đang phát triển có được những thành tựu mới về khoa học – công nghệ, tổ chức và quản lý về sản xuất và kinh doanh. | 0,25 |
| - Thu hút vốn đầu tư nước ngoài. | 0,25 |
| - Thực hiện được chủ trương đa phương hoá quan hệ quốc tế, khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của các nước khác. | 0,25 |
| **\* Thách thức** | **0,75đ** |
| - Muốn có sức cạnh tranh các nước đang phát triển phải làm chủ được các ngành kinh tế mũi nhọn của mình. | 0,25 |
| - Các siêu cường kinh tế tìm cách áp đặt lối sống và nền văn hoá của mình đối với các nước khác nên các giá trị đạo đức của nhân loại có nguy cơ bị xói mòn. | 0,25 |
| - Gây áp lực nặng nề đối với tài nguyên và môi trường. | 0,25 |
| **2** | **Tại sao khu vực Mĩ La tinh có cảnh quan rất đa dạng?** | **2,0đ** |
|  | - Khu vực Mĩ La tinh có các kiểu cảnh quan (tự nhiên): Rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm, Xa van và xa van-rừng; Thảo nguyên và thảo nguyên-rừng; Hoang mạc và bán hoang mạc; Vùng núi cao. | 0,5 |
| - Lãnh thổ: Mĩ La tinh rộng lớn và kéo dài từ Trung Mỹ tới Nam Mỹ | 0,5 |
| - Khí hậu có nhiều đới xích đạo, cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt đới và đới ôn đới, trong mỗi đới còn phân hóa đa dạng thành nhiều kiểu khí hậu như: đới nhiệt đới ẩm, có nhiệt đới khô và cận nhiệt đới ẩm. | 0,5 |
| - Địa hình rất đa dạng từ đồng bằng, cao nguyên và núi cao. | 0,5 |
| **II****5,0đ** | **1** | **1. Trình bày những thay đổi trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì. Nêu nguyên nhân của sự thay đổi đó ?** | **3,0đ** |
|  | - Những thay đổi trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì:  | **1,5đ** |
| **+** Tỉ trọng hoạt động thuần nông giảm còn tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp tăng. | 0,5 |
| + Các vành đai chuyên canh trước kia như: rau, lúa mì, nuôi bò sữa chuyển thành các vành đai đa canh sản xuất nhiều nông sản hàng hóa theo mùa vụ. | 0,5 |
| + Không gian sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì được mở rộng về phía Tây/ Số lượng trang trại giảm còn qui mô các trang trại tăng.*(HS trả lời được 1 trong 2 ý nêu trên vẫn cho 0,5 đ)* | 0,5 |
| - Nguyên nhân của sự thay đổi: | **1,5đ** |
| + Sự hỗ trợ đắc lực của khoa học, công nghệ sinh học, thủy lợi hóa  | 0,5 |
|  | + Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo ra hiệu quả kinh tế cao, thích ứng với sự biến động của thị trường. | 0,5 |
| + Phục vụ nhu cầu đa dạng và tại chỗ cho người dân, giảm chi phí sản xuất, tiêu dùng. | 0,5 |
| **2** | **Tại sao các nước Đông Nam Á đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong giai đoạn hiện nay?** | **2,0đ** |
|  | - Đông Nam Á có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển: Khai thác tài nguyên sinh vật biển, khoáng sản, GTVT, du lịch. | 0,5 |
| - ĐNA có vùng biển rộng gấp nhiều lần đất liền khi tài nguyên đất liền cạn kiệt thì vùng biển có ý nghĩa quan trọng. Mặt khác, sự phát triển của khoa học công nghệ cho phép các nước khai thác được tài nguyên biển mà trước đây không thể khai thác. | 0,5 |
| - Thế mạnh tài nguyên biển được khai thác tốt góp phần quan trọng vào sự nghiệp CNH, HĐH, nâng cao đời sống nhân dân, tạo mặt hàng xuất khẩu, là cửa ngõ giao lưu, hội nhập quốc tế. | 0,5 |
| - Là cơ sở khẳng định chủ quyền biển đảo của các quốc gia trong khu vực; giải quyết tốt những vấn đề liên quan quan đến an ninh, tranh chấp trên biển góp phần tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH. | 0,5 |
| **III****4,0đ** | **1** | **Trình bày ảnh hưởng của đặc điểm dân cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Nga.** | **2,0đ** |
|  | - Là nước đông dân nên có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn. | 0,5 |
| - Thành phần dân tộc đa dạng, tạo nên nền văn hóa giàu bản sắc. | 0,25 |
| - Hơn 70% dân cư sinh sống ở thành phố, chủ yếu là thành phố nhỏ, trung bình và thành phố vệ tinh thuận lợi phát triển CN, DV, ít tạo áp lực cho các thành phố lớn. | 0,25 |
| - Người Nga có trình độ học vấn cao, tỉ lệ biết chữ đạt 99%, cung cấp lao động chất lượng cao cho các ngành kinh tế, tiếp thu nhanh thành tựu KHCN, thu hút đầu tư nước ngoài. | 0,25 |
|  | - Tỉ lệ dân số nữ lớn hơn nam, ảnh hưởng đến vấn đề việc làm, lao động. Thuận lợi cho các ngành công nghiệp cần nhiều lao động nữ nhưng lại khó khăn cho phát triển các ngành công nghiệp nặng.  | 0,25 |
|  | - Dân số ngày càng giảm, tỉ suất gia tăng tự nhiên âm dẫn đến thiếu hụt nguồn lao động tương lai. | 0,25 |
| - Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu, thưa thớt ở vùng Xi-bia gây khó khăn trong việc sử dụng lao động, khai thác tài nguyên mỗi vùng. | 0,25 |
| **2** | **Nhật Bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng kĩ thuật cao vì:** | **2,0đ** |
|  | - Nhật Bản nghèo tài nguyên khoáng sản phải nhập nguyên liệu, lệ thuộc thị trường không thuận lợi cho phát triển công nghiệp truyền thống; | 0,5 |
|  | - Có lợi thế lớn về KHCN; về nguồn lao động có chất xám, tay nghề cao, năng động, có tác phong công nghiệp cao.  | 0,5 |
|  | - Phù hợp với xu thế phát triển chung của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu; hiệu quả kinh tế cao ít gây tổn hại môi trường. | 0,5 |
|  | - Khẳng định vị trí của cường quốc kinh tế thế giới, tăng sức cạnh tranh với các cường quốc kinh tế khác. | 0,5 |
| **IV****3,0 đ** | **1** | **Nêu tác động của việc tiến hành chính sách dân số triệt để đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc?** | **1,0đ** |
|  | - Chính sách mỗi gia đình chỉ có 1 con làm cho tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm.  | 0,25 |
| - Tạo điều kiện để giải quyết việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân. | 0,25 |
| - Thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai. | 0,25 |
| - Việc lựa chọn giới tính trước khi sinh gây ra các hậu quả tiêu cực, mất cân bằng giới tính, ảnh hưởng đạo đức xã hội. | 0,25 |
| **2** | **Phân tích các nguồn lực để phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc.** | **2,0đ** |
|  | - Trung Quốc có dân số đông nhất thế giới, mức sống cải thiện nhanh tạo nên thị trường tiêu thụ rộng lớn. | 0, 5 |
| - Nguồn lao động đông, có truyền thống cần cù, sáng tạo phục vụ sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng cần nhiều lao động. | 0, 5 |
| - Sản lượng nông sản lớn cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp. | 0, 5 |
| - Chính sách mở cửa, tăng cường trao đổi hàng hóa với thế giới và thu hút công ty nước ngoài tham đầu tư vào các khu CN, khu chế xuất. | 0, 5 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **V****4,0 điểm** | **1** | **Tính tổng số dân và số dân nông thôn:** **Tổng số dân, số dân nông thôn và số dân thành thị của khu vực** **Đông Nam Á giai đoạn 1975-2020** *(Đơn vị: Triệu người)* |  |
|  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | **1975** | **1990** | **2005** | **2020** |
| Tổng số dân  | 319,0 | 444,9 | 561,6 | 668,8 |
| Số dân nông thôn | 245,0 | 305,2 | 330,8 | 334,4 |
| Số dân thành thị | 74,0 | 139,7 | 230,8 | 334,4 |

 *(Thí sinh có thể làm tròn 1 hoặc 2 chữ số thập phân)* | **1,0** |
| **2** | **\* Nhận xét** | **1,5đ** |
|  | - Tổng số dân, số dân thành thị và nông thôn liên tục tăng qua các năm (d/c) | 0,5 |
| - Từ 1975 đến trước 2020 số dân thành thị luôn ít hơn nông thôn, đến năm 2020 số dân thành thị và nông thôn bằng nhau (d/c). | 0,5 |
| - Số dân thành thị tăng nhanh hơn số dân nông thôn (d/c). | 0,5 |
| **\* Giải thích** | **1,5đ** |
| - Số dân ĐNA tăng là do quy mô dân số lớn, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có giảm nhưng vẫn còn cao. | 0,5 |
| - Số dân thành thị ít hơn nông thôn là do quá trình CNH, ĐTH ở nhiều nước khu vực ĐNA diễn ra còn chậm. | 0, 5 |
| - Số dân thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn là do chuyển cư từ nông thôn ra đô thị, quá trình đô thị hóa ngày càng phát triển, mở rộng mạng lưới đô thị. | 0, 5 |
|  |  | **Điểm toàn bài: Câu I + II + III + IV + V = 20,0 điểm** |  |

--- HẾT---